

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BÁO CÁO TÓM TẮT

# KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

*(Đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 290/QĐ-  
UBND ngày 30/01/2024)*



Nha Trang, năm 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÓM TẮT  
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024  
THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024  
THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**



**Tên đơn vị: Công ty cổ phần Quy hoạch và Thiết kế xây dựng miền Trung.**

**Địa chỉ: Lô STH20.02 đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.**

**Điện thoại: 0258.650.1888; 0935.04.2628**

**Website: <http://www.quyhoachmienTrung.com/>**

**Email: [quyhoachmienTrung@gmail.com](mailto:quyhoachmienTrung@gmail.com)**

***Tham gia thực hiện dự án:***

- Chủ nhiệm dự án: Ths. Võ Anh Tài.
- Thư ký: Ths. Lê Xuân Hoà.
- Tham gia xây dựng tài liệu:
  - + Ths. Vũ Thành Quynh.
  - + Kts Bùi Quốc Hưng.
  - + Kts Phạm Tiến Dũng.
  - + Ts. Lê Quang Chút.
  - + Ks. Dương Đình Chinh.
  - + Ths. Nguyễn Minh Nhật
  - + Ks. Phan Xuân Chương
  - + Ks. Tống Duy Khánh
- Kỹ thuật bản đồ:
  - + Ths. Trần Đức Hoàn
  - + Cn. Nguyễn Việt Đương
  - + Ths. Hoàng Văn Hoan

*Và các chuyên gia khác cùng tham gia.*

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CN-XD	: Công nghiệp- Xây dựng
DTTN	Diện tích tự nhiên
HTSD	: Hiện trạng sử dụng
KHSD	Kế hoạch sử dụng đất
KTXH	: Kinh tế - xã hội
MNCD	: Mặt nước chuyên dùng
QHSD	: Quy hoạch sử dụng đất
QL	: Quốc lộ
QSĐĐ	: Quyền sử dụng đất
TĐC	: Tái định cư
TTCN	: Tiểu thủ công nghiệp
UBND	: Ủy ban nhân dân
VLXD	: Vật liệu xây dựng
XD	: Xây dựng

# MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG.....</b>	<b>TRANG</b>
<b>ĐẶT VẤN ĐỀ.....</b>	<b>1</b>
I. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm .....	1
II. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất .....	1
III. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....	2
IV. Các sản phẩm của dự án.....	8
<b>PHẦN I.....</b>	<b>9</b>
<b>KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI THÀNH PHỐ NHA TRANG .....</b>	<b>9</b>
1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên.....	9
1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Nha Trang.....	10
1.3. Đánh giá chung tình hình KTXH thành phố Nha Trang .....	13
<b>PHẦN II .....</b>	<b>14</b>
<b>KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA THÀNH PHỐ NHA TRANG .....</b>	<b>14</b>
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 .....	14
2.2. Đánh giá các công trình, dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm nhưng chưa thực hiện và rà soát loại khỏi KHSD đất năm 2024 những công trình, dự án không khả thi .....	22
2.3. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 .....	23
2.4. Phân tích nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	23
<b>PHẦN III.....</b>	<b>25</b>
<b>LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA THÀNH PHỐ NHA TRANG.....</b>	<b>25</b>
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.....	25
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực .....	26
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất .....	28
3.4. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024.....	29
3.5. Kế hoạch thu hồi đất năm 2024.....	31
3.6. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024.....	32
3.7. Kế hoạch bán đấu giá quyền sử dụng đất và kế hoạch giao đất năm 2024.....	33
3.8. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024.....	33
<b>PHẦN IV .....</b>	<b>34</b>
<b>GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>34</b>
4.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	34
4.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư.....	34
4.3. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất .....	35
4.4. Các giải pháp khác .....	36
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>37</b>
I. KẾT LUẬN .....	37
II. KIẾN NGHỊ .....	37

## DANH MỤC BIỂU KÈM THEO BÁO CÁO

Biểu 01. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Nha Trang.....	15
Biểu 02. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (theo số lượng dự án) của thành phố Nha Trang .....	18
Biểu 03. Kết quả chuyên mục đích sử dụng đất năm 2023 của thành phố Nha Trang.....	19
Biểu 04. Kết quả thu hồi đất năm 2023 của thành phố Nha Trang.....	20
Biểu 05. Kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 của thành phố Nha Trang.....	21
Biểu 06: Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Nha Trang.....	25
Biểu 07. Tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Nha Trang.....	28
Biểu 08. Kế hoạch chuyên mục đích sử dụng đất năm 2024 của thành phố Nha Trang.....	29
Biểu 09. Kế hoạch thu hồi đất năm 2024 của thành phố Nha Trang.....	31
Biểu 10. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2024 của thành phố Nha Trang.....	32

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **I. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm**

Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa có 27 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 19 phường và 8 xã) với tổng diện tích tự nhiên là 25.422,47 ha (số liệu thống kê đất đai năm 2022), dân số trung bình năm 2022 có 430.065 người, mật độ dân số bình quân 1.691 người/km<sup>2</sup>. Nha Trang là thành phố ven biển và là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật và du lịch của tỉnh Khánh Hòa. Thành phố Nha Trang nằm ở vị trí trung tâm tỉnh Khánh Hòa. Phía Bắc giáp thị xã Ninh Hòa, phía Nam giáp huyện Cam Lâm, phía Tây giáp huyện Diên Khánh, phía Đông tiếp giáp với biển Đông.

Việc lập Kế hoạch sử dụng (KHSD) đất hàng năm của thành phố được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013 (Khoản 3, 4 Điều 40), Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013 (Khoản 3 Điều 7 và Khoản 4 Điều 9) và hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố có liên quan đến sử dụng đất.

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm là cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất..., đưa công tác quản lý đất đai ở địa phương đi vào nề nếp, góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, giữ vững ổn định tình hình an ninh, chính trị - xã hội, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái.

Triển khai thực hiện các quy định của Luật Đất đai 2013 về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, UBND thành phố Nha Trang đã ban hành Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 về giao nhiệm vụ cho phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố triển khai thực hiện dự án Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Nha Trang.

### **II. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất**

Nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố bao gồm các nội dung sau (Khoản 4 Điều 40 của Luật Đất đai):

1. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước (2023).
2. Xác định diện tích các loại đất đã được phân bổ trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của thành phố, cấp xã trong năm kế hoạch 2024.
3. Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong

năm kế hoạch 2024 đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận (nếu có) để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

4. Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch 2024 đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

5. Lập bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố.

6. Đề xuất giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

### **III. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

- Luật Đất đai năm 2013.

- Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 22/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT, ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT, ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

- Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 30/9/2022, Hội nghị lần thứ 12 BCH Đảng bộ Tỉnh Khánh Hoà Khoá XVIII về danh mục dự án đầu tư công trọng điểm của tỉnh.

- Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về thông qua danh mục công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2014 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 của HĐND tỉnh về danh mục chuyên mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong năm 2014 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về thông qua danh mục công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.



- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 của HĐND tỉnh về danh mục chuyên mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong năm 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 31/3/2016 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về thông qua danh mục công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 31/3/2016 của HĐND tỉnh về danh mục chuyên mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong năm 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 31/3/2016 HĐND tỉnh Khánh Hoà về bổ sung danh mục công trình thu hồi đất trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 31/3/2016 HĐND tỉnh bổ sung danh mục chuyên mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về thông qua danh mục công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết 37/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hoà về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016-2020.

- Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về thông qua danh mục công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh về danh mục chuyên mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về thông qua Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và KHSD đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về bổ sung danh mục công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của HĐND tỉnh về bổ sung danh mục chuyên mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về danh mục công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về danh

mục chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 7/12/2017, Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 11/5/2018 và Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về danh mục và bổ sung danh mục công trình thu hồi đất trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 7/12/2017, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 11/5/2018 và Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về danh mục và bổ sung danh mục công trình, dự án phải chuyển mục đích từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác trong năm 2018 tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 06/12/2018, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 09/7/2019 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về danh mục và bổ sung danh mục công trình thu hồi đất trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 06/12/2018, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 09/7/2019 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về danh mục và bổ sung danh mục công trình, dự án phải chuyển mục đích từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác trong năm 2019 tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về danh mục công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh về danh mục chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về kế hoạch đầu tư công năm 2021.

- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về điều chỉnh tên dự án tại danh mục công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về danh mục công trình thu hồi đất bổ sung để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 29/9/2020 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về danh mục công trình thu hồi đất bổ sung để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về danh mục công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh về danh mục chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong

năm 2021 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh về Ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2021-2025.

- Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Khánh Hoà đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

- Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022.

- Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025.

- Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của HĐND tỉnh về danh mục dự án bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh về danh mục dự án bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022.

- Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về danh mục công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh tên dự án tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình thu hồi đất trong năm 2016

trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh tên dự án tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26/10/2015 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình thu hồi đất bổ sung trong năm 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2014 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh tên dự án tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hoà về kế hoạch đầu tư công năm 2023.

- Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Nha Trang về việc cho ý kiến về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025 (chính thức).

- Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Nha Trang về việc bổ sung danh mục dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025.

- Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Nha Trang về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Nha Trang giai đoạn 2021-2025.

- Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND thành phố Nha Trang về Chương trình phát triển đô thị thành phố Nha Trang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND thành phố Nha Trang về việc thông qua Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

- Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Nha Trang về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023.

- Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Nha Trang về việc bổ sung danh mục dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025.

- Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Nha Trang về Kế hoạch đầu tư công năm 2023.

- Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích

quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND tỉnh về Về việc điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa.

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Báo cáo số 27-BC/BCS ngày 23/02/2023 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh về Rà soát nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2023-2025 để thực hiện các dự án đầu tư công trọng điểm.

- Văn bản số 3940-CV/VPTU ngày 28/02/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy về rà soát nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh quản lý giai đoạn 2023 - 2025 để thực hiện các dự án đầu tư công trọng điểm.

- Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2978/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

- Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Nha Trang.

- Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND thành phố Nha Trang về giao nhiệm vụ thực hiện dự án Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Nha Trang.

- Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND thành phố Nha Trang về phê duyệt đề cương – dự toán lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Nha Trang.

- Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Nha Trang.

- Kế hoạch 7201/KH-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh Khánh Hoà về nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh quản lý giai đoạn 2023-2025 để thực hiện các dự án đầu tư công trọng điểm.

- Các văn bản về việc phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện các công

trình, dự án trên địa bàn thành phố Nha Trang và các văn bản pháp lý có liên quan khác.

#### **IV. Các sản phẩm của dự án**

1. Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, kèm theo hệ thống bảng biểu, phụ biểu tính toán, bản đồ thu nhỏ.

2. Bản đồ đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Nha Trang, tỷ lệ 1/25.000.

3. Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Nha Trang, tỷ lệ 1/25.000.

4. Bản đồ thể hiện các khu vực chuyên mục đích sử dụng đất năm 2024 của thành phố Nha Trang, tỷ lệ 1/25.000.

5. Báo cáo chuyên đề Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

6. Đĩa CD copy báo cáo thuyết minh tổng hợp, báo cáo chuyên đề, bảng biểu, trích lục dự án và các loại bản đồ nêu trên.

# PHẦN I

## KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI THÀNH PHỐ NHA TRANG

### 1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên

Thành phố Nha Trang là trung tâm hành chính - kinh tế - văn hoá – du lịch – dịch vụ của tỉnh Khánh Hoà. Ranh giới Thành phố được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp thị xã Ninh Hoà.
- Phía Nam giáp huyện Cam Lâm và huyện Diên Khánh.
- Phía Đông giáp biển Đông.
- Phía Tây giáp huyện Diên Khánh.

Và có toạ độ địa lý từ 12°8'33" đến 12°25'18" vĩ độ Bắc và từ 109°07'16" đến 109°14'30" độ kinh Đông.

Nha Trang có một vị trí đặc biệt quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng; có bờ biển dài là trung tâm du lịch của tỉnh và cả nước.

Nằm trên các trục giao thông quan trọng của cả nước như Quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam, nối liền Nha Trang với các tỉnh phía Bắc, phía Nam. Đại lộ Nguyễn Tất Thành nối liền Nha Trang với sân bay Cam Ranh, cảng Nha Trang có nhiệm vụ đưa đón khách du lịch, vận chuyển hàng hoá... đã tạo nên một Nha Trang tương đối hoàn chỉnh về lĩnh vực giao thông.

Vị trí địa lý như trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Nha Trang phát triển sản xuất hàng hoá và mở rộng giao lưu kinh tế - xã hội với các tỉnh trong cả nước và quốc tế.

Địa hình Nha Trang khá phức tạp, có vùng đồng bằng là khu vực nội thành; vùng đồi núi chủ yếu nằm ở hai đầu Bắc – Nam và phía Tây thành phố, vùng ngoài biển phía Đông thành phố có nhiều đảo lớn nhỏ.

Nha Trang có độ cao từ 0 m đến 900 m so với mặt nước biển, trong đó có những đỉnh núi cao như núi Hòn Thơm (Vĩnh Ngọc) có độ cao 224 m, núi Hòn Mặt (Phước Đồng) có độ cao 566 m, Hòn Rớt (Phước Đồng) có độ cao 338 m, Hòn Xanh (Phước Đồng) có độ cao 900m, Hòn Ngang (Vĩnh Hoà) có độ cao 320 m, Hòn Chùa (Vĩnh Phương) có độ cao 663 m và Hòn Chông Gọng (Vĩnh Lương) có độ cao 637 m.

Thành phố Nha Trang thuộc tiểu vùng khí hậu II.2.2 của tỉnh Khánh Hòa (*tiểu vùng khí hậu Diên Khánh – Nha Trang*). Đây là tiểu vùng khí hậu có chế độ thời tiết ôn hòa nhất trong vùng khí hậu đồng bằng và ven biển tỉnh Khánh Hòa. Nha Trang chịu sự chi phối chung của khí hậu nhiệt đới gió mùa có ảnh hưởng khí hậu Đại dương.

Những đặc trưng chủ yếu về khí hậu Nha Trang là: nhiệt độ cao đều quanh

năm ( $25^0\text{ C} - 26^0\text{ C}$ ), tổng tích ôn lớn ( $> 9.500^0\text{ C}$ ), mưa phân mùa khá rõ ràng (mùa mưa và mùa khô) và ít bị ảnh hưởng của bão. So với các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, Nha Trang là vùng có điều kiện khí hậu thời tiết khá thuận lợi để phát triển du lịch, nghỉ dưỡng.

Vịnh Nha Trang là một trong những vịnh biển đẹp nhất thế giới, có diện tích khoảng  $507\text{ km}^2$ . Chiều dài bờ biển từ Vĩnh Lương đến mũi Cù Hin khoảng 30 km. Vịnh Nha Trang là vùng biển hở tiếp giáp với đại dương, hệ thống dòng chảy tốt giúp cho nước luôn được trao đổi, tự làm sạch, ít bị ô nhiễm. Tài nguyên biển Nha Trang mang nhiều giá trị kinh tế cho phép phát triển tổng hợp kinh tế biển: có tiềm năng to lớn về du lịch biển - đảo; công nghiệp gắn với biển, cảng biển; đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và bảo tồn sinh thái biển.

Bên cạnh tài nguyên du lịch biển-đảo, Nha Trang còn có tài nguyên du lịch nhân văn phong phú, nhiều di sản văn hóa lịch sử quý giá. Theo thống kê, thành phố Nha Trang hiện có 131 di tích, trong đó có 9 di tích danh lam thắng cảnh, 1 di tích khảo cổ học, 3 di tích lưu niệm danh nhân, 13 di tích lưu niệm sự kiện, còn lại là di tích kiến trúc nghệ thuật. Nha Trang có một số di sản văn hóa - lịch sử có giá trị như Tháp Bà Pônaga, Nhà thờ Núi (*hay còn gọi Nhà thờ Chánh tòa Kitô Vua*), Chùa Long Sơn, Chiến khu Đồng Bò, Dinh Bảo Đại, Viện Pasteur, Viện Hải dương học, Chợ Đầm, Suối Khoáng... Ngoài ra, còn có một số văn hóa phi vật thể gần đây đã được khai thác như lễ hội Tháp Bà, lễ hội Cầu Ngư, lễ hội xứ Trầm hương, Festival biển... Trên địa bàn thành phố đã hình thành mạng lưới các cơ sở dịch vụ văn hóa ẩm thực chất lượng cao, mang nét truyền thống, góp phần tạo nên bản sắc hấp dẫn của du lịch Nha Trang. Tiềm năng du lịch Nha Trang cho phép phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mạnh, xây dựng được thương hiệu Nha Trang trên bản đồ du lịch thế giới.

## **1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Nha Trang**

Trong năm 2022, UBND thành phố Nha Trang đã tập trung chỉ đạo các phòng, ban và xã, phường triển khai thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Thành ủy, HĐND thành phố giao, trong đó tập trung các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, giải ngân vốn đầu tư công năm 2022. Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 23/02/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; Kế hoạch số 6524/KH-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022; Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ



yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022. Trên cơ sở đó, UBND thành phố đã phát động phong trào “Thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Nha Trang năm 2022 và thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”; phát động phong trào “Thi đua đặc biệt thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Trung ương về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 và tầm nhìn 2045”.

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 28/4/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý đất đai khoáng sản, trật tự xây dựng và trật tự, mỹ quan đô thị. Theo đó, UBND thành phố tăng cường chỉ đạo và kiểm tra công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng trên địa bàn; chỉ đạo UBND các xã, phường tổ chức cưỡng chế các công trình xây dựng trái phép theo kế hoạch đã được phê duyệt; giải quyết kịp thời các tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự, cương quyết xử lý các trường hợp vi phạm lấn chiếm vỉa hè làm nơi buôn bán, kinh doanh. Bên cạnh đó, UBND thành phố đã tập trung chỉ đạo các phòng ban, đơn vị đẩy nhanh tiến độ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đối với các dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố. Hoàn thành công tác thông kê đất đai năm 2021; đồ án Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thành phố Nha Trang trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định. Hoàn thành lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố. Tổ chức lập quy hoạch phân khu đối với các đồ án quy hoạch đã được UBND tỉnh thống nhất chủ trương.

#### ***a. Lĩnh vực Công nghiệp – TTCN***

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố (giá so sánh với năm 2010) thực hiện năm 2022 đạt 31.094 tỷ đồng, bằng 110,99% kế hoạch, tăng 18,72% so với năm 2021 (Chỉ tiêu Nghị quyết HĐND TP đề ra tăng 7%). Riêng khu vực kinh tế cá thể thuộc thành phố quản lý thực hiện năm 2022 là 1.490 tỷ đồng, đạt 105,08% kế hoạch, tăng 15,59% so với cùng kỳ (Chỉ tiêu Nghị quyết HĐND TP đề ra tăng 10%).

Sản xuất công nghiệp chủ yếu là công nghiệp chế biến thực phẩm, thuốc lá, dệt may, đóng tàu, hàng mỹ nghệ,... Chế biến thủy sản là ngành công nghiệp thế mạnh của thành phố, tạo ra nhiều việc làm và giá trị xuất khẩu cao Hiện có Cụm công nghiệp Đặc Lộc (xã Vĩnh Phương - quy mô 31,97ha).

#### ***b. Lĩnh vực Nông – Lâm – Ngư nghiệp***

Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh năm 2010) cả năm thực hiện 2.529 tỷ đồng, tăng 3,7% so cùng kỳ năm 2021 (Chỉ tiêu Nghị quyết HĐND TP đề ra tăng 3%).

*Về Nông nghiệp:* Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm thực hiện 1.202 ha, bằng 101,01% kế hoạch và tăng 4,89% so với cùng kỳ năm 2021. Trong năm 2022, trên địa bàn thành phố Nha Trang đã xảy ra dịch tả lợn Châu Phi tại trên địa bàn 04 xã: Phước Đồng, Vĩnh Thái, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ngọc, tiêu hủy 277 con lợn. UBND thành phố đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt công tác

tiêm phòng, tiêu độc khử trùng, kiểm soát giết mổ. Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được theo dõi, giám sát chặt chẽ, cơ bản được kiểm soát.

*Về Lâm nghiệp:* Triển khai thực hiện Đề án “Trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”, cấp phát 50.010 cây keo giống cho 05 hộ/30 ha, tổ chức trồng rừng tập trung năm 2022 trên địa bàn xã Phước Đồng. Tăng cường kiểm tra truy quét tình trạng chặt phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển, chế biến lâm sản; săn bắt, nuôi nhốt động vật rừng trên địa bàn thành phố. Trong năm 2022 không phát hiện, xử lý vụ vi phạm nào liên quan đến Luật Lâm nghiệp. Tăng cường kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2022; vận động 246 hộ gia đình cá nhân ký cam kết bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa khô. Trong năm 2022 trên địa bàn thành phố không xảy ra cháy rừng.

*Về Thủy sản:* Sản lượng khai thác thủy sản năm 2022 đạt 57.695 tấn, bằng 100,58% kế hoạch, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 385 tấn, bằng 110% kế hoạch, tăng 11,27% so cùng kỳ. UBND thành phố đã chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh về công tác chống khai thác IUU- Triển khai các biện pháp trọng tâm chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

### ***c. Lĩnh vực Thương mại – dịch vụ***

Với phương châm “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”, UBND thành phố đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tập trung tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; tận dụng mọi cơ hội để thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2022, trên địa bàn thành phố có 3.234 hộ kinh doanh đăng ký mới tăng 18% so với năm trước, với tổng vốn đăng ký là 549 tỷ đồng.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2022 đạt 42.500 tỷ đồng, bằng 123% kế hoạch, tăng 59,93% so cùng kỳ năm trước (*chỉ tiêu Nghị quyết HĐND TP đề ra là 34.554 tỷ đồng*). UBND thành phố đã tăng cường chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán, Trung thu, các ngày lễ lớn. Công tác vệ sinh môi trường và phòng cháy chữa cháy tại các chợ, trung tâm thương mại cũng luôn được đảm bảo. Tổ chức kiểm tra các cơ sở sản xuất hàng hóa, kinh doanh thương mại dịch vụ, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi buôn bán hàng giả, hàng nhái, không đảm bảo chất lượng; các hành vi không công khai về số lượng, chất lượng và niêm yết giá cả theo quy định.

Nhu cầu du lịch từ nhiều tỉnh, thành phố đến Nha Trang - Khánh Hòa tăng mạnh, cùng với đó là thị trường khách quốc tế đang dần hồi phục, chính sách nhập cảnh thông thoáng hơn đã góp phần đưa doanh thu du lịch năm 2022 đạt 10.600 tỷ đồng, bằng 230,54% kế hoạch, tăng 512% so với cùng kỳ năm trước (*chỉ tiêu Nghị quyết HĐND TP đề ra là tăng 122%*). Số khách lưu trú đạt 2.000.000 lượt người, tăng 3,66 lần so với cùng kỳ với 4.763.700 ngày khách lưu

trú, tăng gấp 3,03 lần so với cùng kỳ. Trong đó khách quốc tế đạt 190.000 lượt người, tăng 9,84 lần so với cùng kỳ với 847.400 ngày khách lưu trú, tăng 8,94 lần so với cùng kỳ.

Tổng thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn thực hiện năm 2022 là 3.700,218 tỷ đồng, đạt 143% dự toán và tăng 29% so với cùng kỳ (*chỉ tiêu Nghị quyết HĐND TP đề ra là 2.592 tỷ đồng*). Trong đó, thu điều tiết ngân sách là 2.357,871 tỷ đồng, đạt 145% dự toán, và tăng 119% so với cùng kỳ. Thu cân đối ngân sách thực hiện năm 2022 là 2.640,458 tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách thực hiện năm 2022 là 1.858,514 tỷ đồng, đạt 114% dự toán, tăng 5% so với cùng kỳ. UBND thành phố đã rà soát và ban hành Văn số 2653/UBND-TCKH ngày 26/4/2022 báo cáo Sở Tài chính, UBND tỉnh Khánh Hòa về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công giai đoạn 2016 -2021 trên địa bàn thành phố Nha Trang.

### **1.3. Đánh giá chung tình hình KTXH thành phố Nha Trang**

Năm 2022, trong điều kiện vừa tập trung phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng vừa chú trọng tăng cường phòng chống dịch Covid-19, thành phố Nha Trang đã tổ chức thành công các hoạt động nhân dịp Kỷ niệm 45 năm Ngày Thị xã Nha Trang lên thành phố (30/3/1977 -30/3/2022) và phát động phong trào thi đua thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố năm 2022 tiếp tục ổn định và tăng trưởng. Hoạt động du lịch, dịch vụ cũng ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ và có mức tăng trưởng cao so với năm 2021 (*thời điểm dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố bùng phát mạnh*). Tình hình kinh tế - xã hội duy trì đà tăng trưởng, đạt được những kết quả tích cực và khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực.

Qua đánh giá các chỉ tiêu kinh tế, xã hội năm 2022 theo Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 Hội đồng nhân dân thành phố thông qua tại kỳ họp thứ 03 cuối năm 2021, kết quả hầu hết các chỉ tiêu kinh tế xã hội tăng so cùng kỳ năm trước và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau: Về chỉ tiêu kinh tế: có 07/07 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra, về chỉ tiêu xã hội có 13/13 chỉ tiêu đạt kế hoạch, về chỉ tiêu môi trường: có 03/03 chỉ tiêu đạt kế hoạch.

## **PHẦN II**

### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA THÀNH PHỐ NHA TRANG**

#### **2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Nha Trang; Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Nha Trang;

Căn cứ kết quả thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn thành phố ước đến ngày 31/12/2023; Kết quả thực hiện các chỉ tiêu KHSD đất năm 2023 của thành phố Nha Trang như sau:

##### **2.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt**

Theo kết quả thực hiện KHSD đất năm 2023, đến thời điểm hiện nay hầu hết các loại đất nông nghiệp đều còn cao hơn chỉ tiêu KHSD đất được duyệt do chưa thu hồi và chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp theo KHSD đất được duyệt. Cụ thể như sau:

+ Đất nông nghiệp năm 2023 đạt 10.640,04 ha, cao hơn chỉ tiêu KHSD đất được duyệt 354,31 ha, vượt 3,44% so với kế hoạch được duyệt. Chỉ tiêu đất nông nghiệp thực hiện cao hơn kế hoạch được duyệt do rất nhiều dự án có lấy vào đất nông nghiệp chưa được thực hiện. Theo KHSD đất năm 2023 được duyệt, diện tích đất nông nghiệp giảm trong năm 365,71 ha, nhưng thực tế thực hiện chỉ giảm 11,40 ha, đạt 3,12%.

+ Đất phi nông nghiệp năm 2023 đạt 7.725,27 ha, thấp hơn chỉ tiêu KHSD đất được duyệt 886,88 ha, đạt 89,7% do các dự án đưa vào kế hoạch chưa được thực hiện. Trên thực tế, số liệu biến động chỉ tiêu đất phi nông nghiệp theo KHSD đất năm 2023 được duyệt tăng 899,01 ha, nhưng trong năm chỉ tăng được 12,13 ha, chỉ đạt 1,35% theo kế hoạch được duyệt.

+ Kết quả thực hiện KHSD đất đối với đất chưa sử dụng : Diện tích theo kế hoạch được duyệt: 6.524,59 ha, kết quả thực hiện năm 2023 đạt 7.057,16 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 532,57 ha, vượt 8,16% do rất nhiều dự án có lấy vào đất chưa sử dụng chưa được thực hiện.

Cụ thể xem biểu sau:

**Biểu 01. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Nha Trang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2023 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2023		Biến động 2022-2023 theo KH được duyệt	Biến động 2022-2023 theo kết quả thực hiện	So sánh biến động TH/KH	
				Diện tích (ha)	Cao (+), thấp (-)			Cao (+), thấp (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) =(5)-(4)	(7)	(8)	(9) =(8)-(7)	(9) =(8)/(7)*100%
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>25.422,47</b>	<b>25.422,47</b>	<b>0,00</b>				
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>10.285,73</b>	<b>10.640,04</b>	<b>354,31</b>	<b>-365,71</b>	<b>-11,40</b>	<b>354,31</b>	<b>3,12</b>
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	667,75	709,45	41,70	-46,48	-4,78	41,70	10,28
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>622,27</i>	<i>661,42</i>	<i>39,15</i>	<i>-43,33</i>	<i>-4,18</i>	<i>39,15</i>	<i>9,65</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	479,58	610,50	130,92	-131,41	-0,49	130,92	0,37
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.988,95	3.015,62	26,67	-26,42	0,25	26,67	-0,93
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	223,12	223,12					
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	5.468,36	5.618,01	149,65	-155,89	-6,24	149,65	4,00
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>277,09</i>	<i>277,09</i>					
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	369,44	453,02	83,58	-83,72	-0,14	83,58	0,17
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	88,53	10,31	-78,22	78,22		-78,22	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>8.612,15</b>	<b>7.725,27</b>	<b>-886,88</b>	<b>899,01</b>	<b>12,13</b>	<b>886,88</b>	<b>1,35</b>
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.327,31	1.304,41	-22,89	22,89		-22,89	
2.2	Đất an ninh	CAN	26,86	24,89	-1,97	1,97		-1,97	
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	31,97	31,97					
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1.401,48	993,73	-407,75	407,18	-0,57	-	-0,14

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2023 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2023		Biến động 2022-2023 theo KH được duyệt	Biến động 2022-2023 theo kết quả thực hiện	So sánh biến động TH/KH	
				Diện tích (ha)	Cao (+), thấp (-)			Cao (+), thấp (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) =(5)-(4)	(7)	(8)	(9) =(8)-(7)	(9) =(8)/(7)*100%
								407,75	
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	169,68	173,66	3,98	-3,98		3,98	
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	43,84	43,84					
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.495,94	2.284,31	-211,63	217,63	6,00	-	2,76
	<i>Trong đó:</i>								
-	Đất giao thông	DGT	1.557,07	1.384,75	-172,32	174,77	2,46	-	1,41
-	Đất thủy lợi	DTL	178,32	167,53	-10,78	17,10	6,32	-10,78	36,95
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	18,28	18,28		1,17	1,17		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	23,35	23,36	0,01	-0,01		0,01	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	208,61	193,39	-15,21	14,04	-1,17	-15,21	-8,33
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	144,80	144,47	-0,33	0,33		-0,33	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	13,47	12,10	-1,37	1,48	0,11	-1,37	7,44
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	19,40	19,40					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,75	1,75					
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	62,17	52,07	-10,10	10,96	0,86	-10,10	7,85
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	90,60	88,52	-2,08	2,08		-2,08	
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	153,58	153,65	0,07	-3,82	-3,75	0,07	98,11
-	Đất cơ sở khoa học - công nghệ	DKH	7,20	7,20					

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2023 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2023		Biến động 2022-2023 theo KH được duyệt	Biến động 2022-2023 theo kết quả thực hiện	So sánh biến động TH/KH	
				Diện tích (ha)	Cao (+), thấp (-)			Cao (+), thấp (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) =(5)-(4)	(7)	(8)	(9) =(8)-(7)	(9) =(8)/(7)*100%
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	4,92	5,40	0,48	-0,48		0,48	
-	Đất chợ	DCH	12,42	12,42					
2.8	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	5,20	5,20					
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7,01	6,41	-0,60	0,60		-0,60	
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	165,72	129,27	-36,45	36,83	0,38	-36,45	1,02
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	641,07	620,57	-20,50	27,27	6,76	-20,50	24,80
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	1.410,09	1.209,03	-201,06	200,84	-0,22	201,06	-0,11
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	22,45	21,66	-0,79	0,79		-0,79	
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	14,75	14,75					
2.15	Đất tín ngưỡng	TIN	15,02	15,02					
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	788,47	808,14	19,67	-19,89	-0,22	19,67	1,11
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	42,41	38,34	-4,08	4,08		-4,08	
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,88	0,07	-2,81	2,81		-2,81	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>6.524,59</b>	<b>7.057,16</b>	<b>532,57</b>	<b>-533,30</b>	<b>-0,73</b>	<b>532,57</b>	<b>0,14</b>

Nguồn: Tổng hợp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 của TP Nha Trang

\* **Kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án:** Trong tổng số 159 công trình, dự án đưa vào KHSĐ đất năm 2023 của thành phố Nha Trang (với tổng diện tích 1.771,44 ha) đã thực hiện hoàn thành hoặc hoàn thành một phần được 23 công trình, dự án với diện tích 435,71 ha, đạt 24,60% diện tích. Cụ thể như sau:

**Biểu 02. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (theo số lượng dự án) của thành phố Nha Trang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng số công trình, dự án trong năm 2023		Công trình đã thực hiện trong năm 2023		Công trình đề xuất loại bỏ khỏi KHSĐĐ năm 2024	
		Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	<b>Tổng</b>	<b>159</b>	<b>1.771,44</b>	<b>23</b>	<b>435,71</b>	<b>18</b>	<b>100,35</b>
1	Đất quốc phòng	6	36,45			1	4,92
2	Đất an ninh	10	1,97			5	0,54
3	Đất cụm công nghiệp						
4	Đất thương mại, dịch vụ	10	987,82	6	399,24	1	5,34
5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp						
6	Đất giao thông	23	54,16	5	1,46	3	0,26
7	Đất thủy lợi	8	26,68	3	8,58	1	0,02
8	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	1	2,71	1	2,71		
9	Đất xây dựng cơ sở y tế	1	2,00				
10	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	3	9,08				
11	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	1	0,93	1	0,93		
12	Đất công trình năng lượng	6	1,85	1	0,11		
13	Đất bãi thải, xử lý chất thải	2	10,96	1	0,86		
14	Đất ở tại nông thôn (các dự án phát triển KDC nông thôn...)	10	26,75	2	8,95	2	24,60
15	Đất ở tại đô thị (các dự án phát triển đô thị...)	55	364,35	1	2,99	3	62,72
16	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	4	2,63				
17	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,05				
18	Đất cơ sở tôn giáo	2	2,35				
19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	1	2,08				
20	Đất sinh hoạt cộng đồng	1	0,03				
21	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	1	0,04			1	0,04
22	Đất cơ sở tín ngưỡng	1	0,06				
23	Đất phi nông nghiệp khác	4	2,05	1	0,0078	1	1,91
24	Đất phát triển hạ tầng	4	12,35				



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng số công trình, dự án trong năm 2023		Công trình đã thực hiện trong năm 2023		Công trình đề xuất loại bỏ khỏi KHSDD năm 2024	
		Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
25	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất nông nghiệp khác		78,40				
26	Chuyển mục đích HGD cá nhân		57,77		9,80		
27	Và các công trình, dự án khác	4	87,92	1	0,08		

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả thực hiện KHSDD đất năm 2023 của TP Nha Trang

### 2.1.2. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

Căn cứ vào kết quả tổng hợp các công trình, dự án triển khai trong năm 2023, kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của thành phố Nha Trang năm 2023 cho thấy: trong năm 2023 hầu hết các loại đất chuyển mục đích đều không đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt nhưng chỉ có đất trồng cây hàng năm khác vượt chỉ kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chính là do các dự án có nhu cầu thu hồi chuyển mục đích lớn chưa được triển khai thực hiện.

Tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp trong năm đạt 11,40 ha, thấp hơn 421,97 ha so với kế hoạch được duyệt, đạt 2,63%, trong đó:

**Biểu 03. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 của thành phố Nha Trang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích CMD năm 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện năm 2023		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3)*100
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp</b>	<b>433,37</b>	<b>11,40</b>	<b>-421,97</b>	<b>2,63</b>
1.1	Đất trồng lúa	46,48	4,78	-41,70	10,28
	<i>Tr. đố: đất chuyên lúa nước</i>	<i>43,33</i>	<i>4,18</i>	<i>-39,15</i>	<i>9,65</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	131,41	0,49	-130,92	0,37
1.3	Đất trồng cây lâu năm	56,29	5,58	-50,71	9,92
1.4	Đất rừng sản xuất	115,28	0,41	-114,87	0,36
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	83,72	0,14	-83,58	0,17
1.6	Đất nông nghiệp khác	0,18		-0,18	
1.7	Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư chuyển sang đất ở đô thị tại các phường	5,00	0,01	-4,99	0,20

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích CMD năm 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện năm 2023		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3) *100
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>	<b>77,20</b>	<b>5,83</b>	<b>-71,37</b>	<b>7,55</b>
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	77,20	5,83	-71,37	7,55
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>1,12</b>	<b>0,82</b>	<b>-0,30</b>	<b>73,31</b>

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả thực hiện KHSD đất năm 2023 của TP Nha Trang*

### 2.1.3. Kết quả thu hồi đất năm 2023

Căn cứ vào kết quả tổng hợp các công trình, dự án triển khai trong năm 2023, kết quả thu hồi đất của thành phố Nha Trang năm 2023 như sau:

Tổng diện tích thu hồi trong năm đạt 18,35 ha, thấp hơn kế hoạch được duyệt 467,25 ha, chỉ đạt 3,78%.

Cụ thể xem biểu trang sau:

**Biểu 04. Kết quả thu hồi đất năm 2023 của thành phố Nha Trang**

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến năm 2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100
	<b>TỔNG</b>		<b>485,61</b>	<b>18,35</b>	<b>-467,25</b>	<b>3,78</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>407,12</b>	<b>7,32</b>	<b>-399,80</b>	<b>1,80</b>
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	41,19	4,03	-37,16	9,78
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>38,04</i>	<i>3,43</i>	<i>-34,61</i>	<i>9,02</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	126,86	0,18	-126,68	0,14
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	53,28	2,65	-50,63	4,97
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	102,25	0,32	-101,93	0,31
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	83,53	0,14	-83,39	0,17
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH				
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>78,49</b>	<b>11,03</b>	<b>-67,45</b>	<b>14,06</b>
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2,59		-2,59	
2.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,07	0,63	-0,44	58,91

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến năm 2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100
2.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,57		-3,57	
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	28,83	7,90	-20,92	27,42
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	11,74	1,90	-9,85	16,15
-	Đất thủy lợi	DTL	10,18	2,26	-7,92	22,21
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,26		-0,26	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,27		-0,27	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	5,90	3,75	-2,15	63,58
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	0,48		-0,48	
2.5	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,86		-0,86	
2.6	Đất ở tại nông thôn	ONT	7,59	0,78	-6,81	10,28
2.7	Đất ở tại đô thị	ODT	18,32	1,50	-16,82	8,19
2.8	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	15,59	0,22	-15,37	1,41
2.9	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,09		-0,09	

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả thực hiện KHSD đất năm 2023 của TP Nha Trang*

#### **2.1.4. Kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023**

Căn cứ vào kết quả tổng hợp các công trình, dự án triển khai trong năm 2023, kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng của thành phố Nha Trang năm 2023 được thể hiện trong biểu sau:

#### **Biểu 05. Kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 của thành phố Nha Trang**

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch đưa đất CSD vào SD năm 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện năm 2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>67,66</b>		<b>-67,66</b>	
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	36,46		-36,46	
1.2	Đất nông nghiệp khác	NK H	31,20		-31,20	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>465,64</b>	<b>0,73</b>	<b>-464,91</b>	<b>0,16</b>

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch đưa đất CSD vào SD năm 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện năm 2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) )*100
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	4,26		-4,26	
2.2	Đất thương mại, dịch vụ	TM D	313,87		-313,87	
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	64,54	0,17	-64,37	0,27
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	61,45	0,17	-61,28	0,28
-	Đất thủy lợi	DTL	0,62		-0,62	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,32		-1,32	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,15		-1,15	
2.4	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DK V	1,37		-1,37	
2.5	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,56	0,56		100,0 0
2.6	Đất công trình bưu chính viễn thông	ODT	80,92		-80,92	
2.7	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,12		-0,12	

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả thực hiện KHSD đất năm 2023 của TP Nha Trang*

## **2.2. Đánh giá các công trình, dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm nhưng chưa thực hiện và rà soát loại khỏi KHSD đất năm 2024 những công trình, dự án không khả thi**

Căn cứ kết quả thực hiện KHSD đất các năm 2020, 2021, 2022 và 2023 trên địa bàn thành phố Nha Trang; Hiện nay trên địa bàn thành phố Nha Trang có 41 công trình/dự án với tổng diện tích dự án 935,70 ha đã đưa vào KHSD đất đến nay quá 03 năm nhưng chưa thực hiện. Trong đó:

- Chuyển tiếp sang KHSD đất năm 2024 có 37 dự án với 865,55 ha: Do các công trình, dự án này đều đã có chủ trương đầu tư, đang trong quá trình kiểm đếm áp giá bồi thường nên tiếp tục đưa vào KHSD đất năm 2024 (*Chi tiết xem biểu 1.4 kèm theo báo cáo này*).

- Loại ra khỏi kế hoạch sử dụng đất năm 2024: có 04 dự án quá 03 năm không thực hiện với tổng diện tích 70,15 ha do thay đổi chủ trương đầu tư hoặc do chủ đầu tư không đăng ký tiếp tục thực hiện.

*Chi tiết xem trong biểu 1.4 kèm theo báo cáo.*

### **2.3. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn thành phố đã đạt được những thành quả nhất định, thể hiện ở các mặt sau:

- Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai.
- Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

Tuy nhiên, việc triển khai lập và thực hiện KHSD đất năm 2023 còn nhiều hạn chế và tồn tại như sau:

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2023 đạt rất thấp (*dưới 10%*), đặc biệt đối với các công trình có sử dụng vốn ngoài ngân sách triển khai được rất ít.
- Nhiều dự án triển khai chậm trong nhiều năm, thậm chí đưa vào kế hoạch quá 03 năm những chưa triển khai.
- Kết quả đấu giá quyền sử dụng đất trong năm thấp, trong năm chưa thực hiện được hạng mục nào.
- Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân đạt thấp.

### **2.4. Phân tích nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

Việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn thành phố Nha Trang ngoài những thành tựu đạt được còn có những tồn tại ảnh hưởng đến chất lượng cũng như hiệu quả thực hiện các kế hoạch sử dụng đất của thành phố đã đề ra, do những nguyên nhân sau:

+ Do đến cuối tháng 4/2023 Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố mới được phê duyệt nên nhiều công trình, dự án không thể triển khai thực hiện được nên hầu hết các chỉ tiêu đạt thấp so với kế hoạch được duyệt.

+ Công tác thẩm định, phê duyệt giá đất mất nhiều thời gian nên ảnh hưởng đến tiến độ bồi thường, hỗ trợ người dân khi thu hồi đất.

+ Trên địa bàn thành phố cùng lúc triển khai quá nhiều công trình, dự án (*công trình cấp quốc gia, công trình cấp tỉnh, công trình cấp thành phố*), nhiều loại dự án khác nhau (*dự án sử dụng vốn ngân sách, dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách*)... trong khi nguồn nhân lực thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn hạn chế, quy trình, thủ tục thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng thì rất phức tạp đòi hỏi mất nhiều thời gian nên dẫn đến chậm tiến độ.

+ Trong tổng số các dự án chưa thực hiện có 26% số dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhưng chiếm đến hơn 70% diện tích đưa vào kế hoạch. Tiến độ triển khai những dự án này hoàn toàn phụ thuộc vào năng lực của nhà đầu tư. Mặc dù UBND thành phố luôn đôn đốc, giám sát quá trình triển khai thực hiện nhưng nhiều dự án vẫn chưa được triển khai do nhiều nguyên nhân khác nhau: gia hạn chủ trương đầu tư, điều chỉnh mục tiêu đầu tư, điều chỉnh quy hoạch 1/500, chưa đồng bộ các đồ án

quy hoạch...

+ Ngoài các dự án thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất tiến độ có nhanh hơn, còn lại các dự án đầu tư xây dựng khu du lịch, dịch vụ, thương mại đều do chủ đầu tư tự thoả thuận với chủ sử dụng đất theo giá thị trường nên quá trình thoả thuận, bồi thường, giải phóng mặt bằng rất chậm, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

+ Trên địa bàn thành phố cùng lúc triển khai quá nhiều công trình, dự án (*công trình cấp quốc gia, công trình cấp tỉnh, công trình cấp thành phố*), nhiều loại dự án khác nhau (*dự án sử dụng vốn ngân sách, dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách*)... trong khi nguồn nhân lực thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn hạn chế, quy trình, thủ tục thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng thì rất phức tạp đòi hỏi mất nhiều thời gian nên dẫn đến chậm tiến độ.

+ Công tác bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất phải tuân theo các quy định mới của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu giá tài sản nên phát sinh nhiều thủ tục, bên cạnh đó công tác xác định giá đất chậm, thị trường bất động sản trầm lắng, khó giao dịch... nên công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không đạt kế hoạch đề ra.

**PHẦN III**  
**LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024**  
**CỦA THÀNH PHỐ NHA TRANG**

**3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ**

Căn cứ Quyết định số 2978/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Nha Trang; Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Nha Trang như sau:

**Biểu 06: Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Nha Trang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)</b>		<b>25.527,57</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>8.896,29</b>	<b>34,85</b>
	<i>Tr.đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA		
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	18,56	0,07
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	763,34	2,99
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	753,37	2,95
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	7.271,33	28,48
	<i>Tr.đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>251,39</i>	<i>0,98</i>
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	89,70	0,35
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>16.631,28</b>	<b>65,15</b>
	<i>Tr.đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.577,10	6,18
2.2	Đất an ninh	CAN	37,86	0,15
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	31,97	0,13
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	3.866,43	15,15
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	181,67	0,71
2.6	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	47,02	0,18
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.073,54	15,96
	<i>Tr.đó:</i>			
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>2.515,44</i>	<i>9,85</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>181,06</i>	<i>0,71</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>30,80</i>	<i>0,12</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>59,53</i>	<i>0,23</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	335,37	1,31
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	458,54	1,80
-	Đất công trình năng lượng	DNL	107,41	0,42
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	15,52	0,06
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	18,21	0,07
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	67,01	0,26
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	93,20	0,37
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	154,98	0,61
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	8,21	0,03
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	9,73	0,04
-	Đất chợ	DCH	18,53	0,07
2.8	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	5,20	0,02
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	9,44	0,04
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1.798,70	7,05
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.637,67	6,42
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	2.260,93	8,86
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	50,63	0,20
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	17,98	0,07
2.15	Đất tín ngưỡng	TIN	13,80	0,05
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	866,57	3,39
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	37,29	0,15
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	117,50	0,46
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>

Nguồn: Quyết định số 2978/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

### 3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Căn cứ xác định nhu cầu sử dụng đất:

- Kế hoạch phát triển KTXH của tỉnh Khánh Hòa và thành phố Nha Trang năm 2021-2025.
- Kế hoạch đầu tư năm 2024 của thành phố Nha Trang.
- Kế hoạch đầu tư năm 2024 của tỉnh Khánh Hòa.
- Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị năm 2024.
- Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ trong Quy hoạch sử dụng đất được duyệt.
- Danh mục công trình, dự án đã đưa vào KHSD đất năm 2023 nhưng



chưa thực hiện, tiếp tục thực hiện năm 2023 (*Chi tiết danh mục công trình, dự án năm 2023 chuyển tiếp sang năm 2024 được thể hiện ở mục A – Biểu số 10/CH kèm theo báo cáo*)

- Các công trình, dự án được cấp chủ trương đầu tư mới trong năm 2024: gồm 10 dự án với tổng diện tích 157,70 ha, trong đó công trình an ninh – quốc phòng với 04 dự án/28,19ha; công trình, dự án có sử dụng vốn ngân sách địa phương với 04 dự án/5,56ha; công trình, dự án ngoài ngân sách với 02 dự án/0,21ha; Công trình, dự án đấu giá quyền SDD 02 điểm/3,82ha; Công trình, dự án Bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất 02 điểm/0,18 ha; chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân với 45,34ha và Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất nông nghiệp khác 78,40 ha.

Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố năm 2024 được tổng hợp như sau:

- Nhu cầu đất cho mục đích an ninh – quốc phòng: khoảng 35-40 ha để xây dựng các dự án an ninh – quốc phòng như: Xưởng sản xuất chế thử, chuyển giao công nghệ các sản phẩm khoa học công nghệ - Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga, Công trình nòng cốt trong khu sơ tán, khu tập trung bí mật, thao trường huấn luyện cấp xã của lực lượng vũ trang thành phố Nha Trang, BCH Quân sự tỉnh (tại xã Vĩnh Thái), trụ sở công an cấp xã...

- Nhu cầu đất cho các dự án du lịch – dịch vụ - thương mại: khoảng 410-420 ha để xây dựng các khu du lịch – dịch vụ phục vụ phát triển KTXH của thành phố: Dự án Đầu tư Phát triển đảo Hòn Tre và nhiều dự án khác...

- Nhu cầu đất ở cho các dự án phát triển đô thị và KDC nông thôn khoảng 230-280 ha. Một số dự án quan trọng dự kiến triển khai năm 2024: Khu đô thị sinh thái bán đảo Thanh Phong, Dự án Khu đô thị mới Phúc Khánh 1, 2, Khu đô thị sinh thái VCN, Khu tái định cư Ngọc Hiệp, Khu tái định cư Vĩnh Thái, Khu đô thị Lê Hồng Phong 1, 2...

- Nhu cầu đất cho các công trình phát triển hạ tầng trên địa bàn thành phố (*giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, thể thao, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất bãi thải xử lý chất thải,...*): khoảng 230-260 ha để xây dựng các công trình giao thông trong các khu dự án, đường và kè sông Cái, Tuyến đường Vành đai thành phố Nha Trang, Nút giao thông kết nối khu trung tâm tài chính thương mại, nút giao thông Ngọc Hội, các tuyến đường kết nối đường 23/10 với đường Võ Nguyên Giáp, hệ thống các dự án kè sông Cái Nha Trang...

- Nhu cầu đất cho các mục đích công cộng khác như: đất trụ sở, đất khu vui chơi giải trí công cộng, đất mặt nước chuyên dùng, đất phi nông nghiệp khác...: nhu cầu khoảng 50 ha để xây dựng các khu công viên, khu vui chơi giải trí công cộng trong các khu đô thị mới, nhà sinh hoạt cộng đồng của các thôn, tổ dân phố, khu xử lý nước thải (*thuộc dự án VSMT Nha Trang*)...

Tổng nhu cầu đất phi nông nghiệp trong năm 2024 tăng thêm khoảng 880-900 ha.

### 3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất thành phố Nha Trang năm 2024 như sau:

- Tổng diện tích tự nhiên: 25.438,02 ha, tăng 15,55 ha so với năm 2023, do bổ sung khu vực lấn biển của Dự án Khu nhà ở Vinpearl Phú Quý, trong đó:

- + Đất nông nghiệp: 10.251,47 ha, chiếm 40,30%.
- + Đất phi nông nghiệp: 8.609,26 ha, chiếm 33,84%.
- + Đất chưa sử dụng: 6.577,29 ha, chiếm 25,86%.

Chi tiết xem biểu sau:

**Biểu 07. Tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Nha Trang**

*DVT: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2023	Diện tích Kế hoạch năm 2024	Tăng (+), giảm (-) So với HT 2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)</b>		<b>25.422,47</b>	<b>25.438,02</b>	<b>15,55</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>10.640,04</b>	<b>10.251,47</b>	<b>-388,57</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	709,45	667,62	-41,84
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	661,42	621,64	-39,79
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	610,50	472,30	-138,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.015,62	2.995,84	-19,78
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	223,12	223,12	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	5.618,01	5.438,06	-179,96
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	277,09	273,72	-3,37
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	453,02	366,01	-87,01
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	10,31	88,53	78,22
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>7.725,27</b>	<b>8.609,26</b>	<b>883,99</b>
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.304,41	1.340,98	36,56
2.2	Đất an ninh	CAN	24,89	26,17	1,28
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	31,97	31,97	
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	993,73	1.394,40	400,67
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	173,66	171,68	-1,98
2.6	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	43,84	43,84	
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.284,31	2.506,67	222,36
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất giao thông	DGT	1.384,75	1.574,05	189,30
-	Đất thủy lợi	DTL	167,53	170,97	3,43

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2023	Diện tích Kế hoạch năm 2024	Tăng (+), giảm (-) So với HT 2023
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	18,28	23,77	5,49
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	23,36	23,00	-0,36
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	193,39	204,18	10,79
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	144,47	144,47	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	12,10	13,61	1,51
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	19,40	19,40	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,75	1,75	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	52,07	62,41	10,34
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	88,52	90,63	2,11
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	153,65	153,88	0,22
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	7,20	7,20	
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	5,40	4,92	-0,48
-	Đất chợ	DCH	12,42	12,42	
2.8	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	5,20	5,20	
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,41	6,51	0,10
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	129,27	158,23	28,96
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	620,57	638,93	18,36
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	1.209,03	1.398,27	189,24
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	21,66	22,40	0,74
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	14,75	14,59	-0,16
2.15	Đất tín ngưỡng	TIN	15,02	15,02	
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	808,14	792,04	-16,10
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	38,34	41,65	3,31
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,07	0,72	0,65
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>7.057,16</b>	<b>6.577,29</b>	<b>-479,88</b>

### 3.4. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm kế hoạch 2024 như sau:

#### Biểu 08. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của thành phố Nha Trang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>419,77</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	41,84
	<i>Tr. đó: đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>39,79</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	138,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	41,78
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	110,76

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>3,37</i>
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	87,01
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,18
1.7	Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư chuyển sang đất ở đô thị tại các phường	NNP/ODT	5,00
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		<b>69,20</b>
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR <sup>(a)</sup>	69,20
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>0,34</b>

*Chi tiết chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị cấp xã được trình bày trong Biểu số 09/CH. Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ: xem chi tiết trong biểu 10.2.*

Trong năm kế hoạch 2024 dự kiến chuyển đổi 419,77 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, trong đó:

- Đất trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp có 41,84 ha (*trong đó đất chuyên trồng lúa nước có 39,79 ha*) do thực hiện các công trình: đất quốc phòng 2,46 ha, đất an ninh 0,73 ha, đất thương mại dịch vụ 1,58 ha, đất phát triển hạ tầng 22,94 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,10 ha, đất khu vui chơi giải trí công cộng 3,57 ha, đất ở nông thôn 5,91 ha, đất ở đô thị 4,56 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp có 138,20 ha, do chuyển sang: đất quốc phòng 1,33 ha, đất an ninh 0,20 ha, đất thương mại dịch vụ 38,23 ha, đất phát triển hạ tầng 38,51 ha, đất khu vui chơi giải trí công cộng 8,10 ha, đất ở nông thôn 6,53 ha, đất ở đô thị 44,39 ha, đất trụ sở cơ quan 0,59 ha, đất phi nông nghiệp khác 0,31 ha.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp có 41,78 ha, do chuyển sang: đất an ninh 0,15 ha, đất thương mại dịch vụ 3,50 ha, đất phát triển hạ tầng 19,53 ha, đất khu vui chơi giải trí công cộng 1,85 ha, đất ở nông thôn 8,19 ha, đất ở đô thị 8,27 ha và đất phi nông nghiệp khác 0,3 ha.

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp có 110,76 ha (*Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên có 3,37 ha*), do chuyển sang: đất quốc phòng 33,28 ha, đất thương mại dịch vụ 43,18 ha, đất phát triển hạ tầng 15,79 ha, đất khu vui chơi giải trí công cộng 1,22 ha, đất ở nông thôn 0,50 ha, đất ở đô thị 16,78 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp có 87,01 ha, do chuyển sang: đất quốc phòng 0,22 ha, đất thương mại, dịch vụ 1,16 ha, đất phát triển hạ tầng 30,37 ha, đất khu vui chơi giải trí công cộng 11,83 ha, đất ở đô thị 40,03 ha, đất có mặt nước chuyên dùng 3,40 ha.

- Đất nông nghiệp khác sang đất phi nông nghiệp có 0,18 ha, do chuyển sang

đất ở nông thôn.

Năm 2024 dự kiến chuyển đổi đất rừng sản xuất chuyên sang đất nông nghiệp không phải là rừng 69,20 ha (*khu vực nằm ngoài ranh giới quy hoạch 03 loại rừng*), đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở có 0,34 ha (*tại các khu đô thị, khu dân cư mới*).

*Các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2024 được thể hiện trong biểu 10.2.*

### **3.5. Kế hoạch thu hồi đất năm 2024**

Trong năm 2024 dự kiến đưa vào kế hoạch thu hồi 65 dự án với tổng diện tích các dự án là 1.637,86 ha, trong đó diện tích phải thu hồi trong năm là 927,47 ha, trong đó có một số dự án lớn như:

- Công trình nòng cốt trong khu sơ tán, khu tập trung bí mật, thao trường huấn luyện cấp xã của lực lượng vũ trang thành phố Nha Trang
- Trụ sở BCH Quân sự tỉnh
- Cơ sở hạ tầng khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn ông.
- Chính trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc sông Cái.
- Dự án Khu đô thị mới Phúc Khánh 2
- Khu đô thị sinh thái VCN.
- Khu đô thị sinh thái bán đảo Thanh Phong.
- Khu nhà ở Phước Đồng.
- Đầu tư Phát triển đảo Hòn Tre
- Tuyến đường Vành đai 2 thành phố Nha Trang
- Khu tái định cư Vĩnh Thái; Khu nhà ở xã hội Vĩnh Thái
- Khu đô thị Hoàng Long
- Dự án Nút giao thông Ngọc Hội và đường Vành đai 2
- Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh

Và các công trình, dự án mở rộng đường giao thông, nhà văn hoá, công trình an ninh, quốc phòng, trụ sở cơ quan... (*chi tiết xem Biểu 10.1 kèm theo báo cáo*).

Diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch 2024 được thể hiện chi tiết trong biểu sau:

**Biểu 09. Kế hoạch thu hồi đất năm 2024 của thành phố Nha Trang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>398,18</b>
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38,65
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	36,10
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	130,69
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	35,73

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	107,82
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	3,37
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	85,29
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>69,74</b>
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,57
2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,77
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	22,40
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đất giao thông	DGT	11,50
-	Đất thủy lợi	DTL	8,08
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,26
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,24
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,85
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	0,48
2.4	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,50
2.5	Đất ở tại nông thôn	ONT	5,71
2.6	Đất ở tại đô thị	ODT	24,54
2.7	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	12,17
2.8	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,09

Chi tiết thu hồi đất đến từng đơn vị cấp xã được trình bày trong Biểu số 08/CH

### 3.6. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024

Trong năm 2024 dự kiến đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng các mục đích sau: đất nông nghiệp khác 31,20 ha, đất thương mại, dịch vụ 314,28 ha (*chủ yếu ở đảo Hòn Tre*), đất phát triển hạ tầng 61,53 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 1,50 ha, đất ở đô thị 71,25 ha (*chủ yếu ở đảo Hòn Tre*), đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,12 ha.

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch 2024 trong biểu sau:

**Biểu 10. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2024 của thành phố Nha Trang**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>31,20</b>
1.1	Đất nông nghiệp khác	NKH	31,20
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>448,68</b>
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	314,28
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	61,53

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	<i>Trong đó:</i>		
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>58,99</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>0,06</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>1,32</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>1,15</i>
2.3	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,50
2.4	Đất công trình bưu chính viễn thông	ODT	71,25
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,12

*Chi tiết đến từng đơn vị cấp xã được trình bày trong Biểu số 09/CH.*

### **3.7. Kế hoạch bán đấu giá quyền sử dụng đất và kế hoạch giao đất năm 2024.**

#### **3.7.1. Kế hoạch bán đấu giá QSD đất trên địa bàn thành phố Nha Trang năm 2024 như sau:**

Dự kiến trong năm 2024 trên địa bàn thành phố Nha Trang tổ chức bán đấu giá các khu đất sau:

Tổng số các khu vực, địa điểm bán đấu giá: 48 vị trí với diện tích 19,41ha, trong đó:

+ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện chuyển tiếp sang có: 35 vị trí với diện tích 8,93 ha, trong đó:

+ Đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có: 13 vị trí với diện tích 10,48 ha, trong đó:

*Chi tiết đến từng đơn vị cấp xã được trình bày trong Biểu số 10.4.*

#### **3.7.2 Kế hoạch giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân năm 2024**

Dự kiến trong năm 2024 trên địa bàn thành phố Nha Trang sẽ tiến hành giao đất tái định cư cho khoảng 300 hộ lô đất cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án và giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình cá nhân đối với các thửa đất nhỏ hẹp với tổng diện tích khoảng 1000m<sup>2</sup>. Địa điểm giao đất được xác định bao gồm tại các khu tái định cư trên địa bàn thành phố hoặc tại các dự án khi chủ đầu tư đã bố trí quỹ đất tái định cư ngay trong dự án.

### **3.8. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024**

Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2024, bao gồm các công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất cấp trên phân bổ và các công trình, dự án của thành phố được thể hiện chi tiết trong **Biểu 10/CH** kèm theo báo cáo này.

## **PHẦN IV**

### **GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

#### **4.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường**

- Phát triển hệ thống cây xanh tập trung tại các công viên hiện hữu trên địa bàn thành phố và trong các khu dân cư, khu đô thị mới, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ diện tích cây xanh theo tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng; tăng cường trồng mới và thay thế cây xanh già cỗi phân tán dọc theo các tuyến đường hiện hữu.

- Đối với các dự án phát triển khu du lịch, khu biệt thự vườn đồi... cần trồng các đai rừng cảnh quan, giảm thiểu nguy cơ sạt lở đất vào mùa mưa bão.

- Khoanh định những khu vực có nguy cơ bị sạt lở, đặc biệt các khu vực chân núi, ven sông và khu vực sạt lở ven biển có nhà dân đang sinh sống. Thành phố cần tập trung nguồn lực di dời nhà dân ra khỏi khu vực có nguy cơ sạt lở, xây dựng taluy, hệ thống kè sông, kè biển, cấm người dân tái lấn chiếm xây dựng nhà ở hoặc sản xuất trong khu vực có nguy cơ sạt lở.

- Đối với khu vực đất sản xuất nông nghiệp: Khuyến khích nhân dân ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nhằm gia tăng giá trị sử dụng đất và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Trong sản xuất công nghiệp – TTCN; chế biến nông, lâm sản phải áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để hạn chế tác hại của chất thải gây ô nhiễm đất canh tác, nguồn nước và môi trường xung quanh.

- Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử phạt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường.

#### **4.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư**

*\* Về nguồn lực:*

- Củng cố tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ thành phố đến xã, phường, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, sử dụng đất đai; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành Tài nguyên và Môi trường; đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động tại địa phương, đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và du lịch.

*\* Về vốn đầu tư:*

- Phân bổ hợp lý nguồn vốn ngân sách được giao để đầu tư, phát triển các



công trình phúc lợi xã hội như y tế, văn hóa, giáo dục,...trên địa bàn thành phố. Đồng thời, có biện pháp huy động nguồn vốn trong nhân dân (*các doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng dân cư, kiều bào là con em trên địa bàn*) để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng, phúc lợi, an sinh xã hội.

- Tăng cường quảng bá tiềm năng, thế mạnh, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố cũng như tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình giải phóng mặt bằng để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, dịch vụ, lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đủ tiềm năng tài chính để thực hiện các công trình dự án đã được giao.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*” để thực hiện các công trình giao thông, nhất là các tuyến hẻm trong các khu dân cư, trong đó lựa chọn các hình thức thực hiện như: Nhà nước và nhân dân cùng làm, vận động nhân dân hiến đất...

### **4.3. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất**

Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố được xét duyệt, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần triển khai các biện pháp tổ chức thực hiện như sau:

- Công bố công khai KHSD đất của Thành phố tại trụ sở UBND Thành phố và UBND các xã, phường đồng thời công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử của thành phố;

- Thông báo đến nhà đầu tư, chủ sử dụng đất, các hộ gia đình, cá nhân về kế hoạch thu hồi đất theo từng công trình, dự án dự kiến phải thu hồi.

- Triển khai thực hiện quản lý đất đai và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo kế hoạch sử dụng đất của thành phố đã được UBND Tỉnh xét duyệt;

- Tăng cường công tác quản lý xây dựng trên địa bàn, kiên quyết xử lý những trường hợp xây dựng không phép, trái phép, sai giấy phép và lấn chiếm đất đai bất hợp pháp;

- Thường xuyên và tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật đất đai nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện KHSD đất.

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tăng cường công tác vận động, thuyết phục người dân thực hiện di dời để đảm bảo công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai theo hướng tinh gọn, đơn giản và giảm thời gian thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng đất thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Để kế hoạch có tính khả thi cao, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng đất và hoàn

thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố, trong quá trình triển khai cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

#### **4.4. Các giải pháp khác**

##### **a. Các giải pháp về quản lý hành chính**

- Tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp đã được nêu trong phương án quy hoạch sử dụng đất của thành phố đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Khánh Hoà phê duyệt tại Quyết định số 2978/QĐ-UBND ngày 31/10/2022.

- Tăng cường việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất của cấp dưới, kiểm tra tình hình sử dụng đất công. Có biện pháp xử lý cụ thể đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến quy trình thực hiện thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá, hiệu quả cho các thủ tục: chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, giao cấp đất, thẩm định các dự án sử dụng đất...

- Rà soát đưa ra ngoài hoặc báo cáo xin gia hạn danh mục thu hồi đất, KHSD đất đối với các dự án đã kéo dài quá 03 năm không thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng...

##### **b. Các giải pháp về kinh tế**

- Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá.

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan căn cứ vào các mục tiêu của kế hoạch tiến hành xây dựng các phương án đầu tư bằng nhiều hình thức để người dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cùng thực hiện.

##### **c. Giải pháp về khoa học, công nghệ**

- Kiến nghị UBND Tỉnh tăng cường đầu tư ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai như hoàn thiện cơ sở dữ liệu thông tin thuộc tính về đất đai như loại đất, đối tượng sử dụng đất, giá đất theo quy định của UBND Tỉnh,...

- Kiến nghị UBND Tỉnh đầu tư trang thiết bị để thực hiện quản lý, cập nhật thông tin thửa đất theo các loại hình quy hoạch đã được duyệt, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý kế hoạch trong thời gian tới.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Nha Trang được xây dựng trên cơ sở các chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố đã được phê duyệt. Báo cáo đã đánh giá những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội đối với việc khai thác các nguồn tài nguyên vào phát triển sản xuất và đời sống; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước và xác định những tồn tại để làm cơ sở lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cho các ngành để đạt được mục tiêu đề ra.

Kết quả lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã xác định được danh mục công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất, xác định quỹ đất đáp ứng đủ nhu cầu phát triển của các ngành năm 2024 và xác định diện tích đất cần thu hồi, các vùng đất cần chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường.

Việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ thành phố đã đề ra cho giai đoạn 2021-2025.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố sẽ góp phần tăng thu ngân sách qua việc bán đấu giá quyền sử dụng đất và chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực khi có bố trí đất phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch.

### **II. KIẾN NGHỊ**

Để Kế hoạch sử dụng đất của thành phố Nha Trang đạt hiệu quả cao, UBND thành phố Nha Trang kiến nghị một số nội dung sau:

- Đề nghị UBND tỉnh Khánh Hoà chỉ đạo các Sở ban ngành của tỉnh thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện các công trình, dự án của tỉnh, các công trình, dự án ngoài ngân sách do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đã được đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Nha Trang.

- Đề nghị UBND tỉnh Khánh Hoà sớm phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Nha Trang để thành phố có căn cứ thực hiện công tác quản lý đất đai như: giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất... trong năm 2024.

---

